TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 9 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Giới

2. Ông Giang Công Chiến

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Lương Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLST- DS ngày 23/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX - DS ngày 07/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐ-HPT ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Đội 3, ấp 1, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Vũ Thị Hải A- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1966 và ông Phạm Văn D, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đội 3, ấp 1, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày*:**

Bà L và vợ chồng bà H, ông D chỉ là hàng xóm, không có họ hàng và cũng không có mâu thuẫn. Năm 2019, bà L có cho vợ chồng bà H vay tiền tổng

cộng 3 lần với số tiền 120.000.000đ, thời điểm cho vay không làm giấy tờ, thời gian cụ thể thì không nhớ rõ, mỗi lần cho vay cách nhau khoảng 15 đến 20 ngày. Sau đó, bà H có tự ghi giấy viết tay là ngày 09/12/2019 xác nhận nợ bà L số tiền 120.000.000đ, hẹn đến 09/3/2020 thì trả cho bà L toàn bộ số tiền trên, các bên không có thỏa thuận lãi suất, mục đích vay tiền là để chữa bệnh cho ông D, ông D cũng tự nguyện xác nhận vào Giấy mượn tiền trên.

Ngày 15/3/2020 thì bà H có trả cho bà L được 50.000.000đ nên bà H có viết lại giấy mượn tiền thể hiện việc bà H còn nợ bà L số tiền 70.000.000đ, thời điểm trước tết năm 2023 thì bà H có trả cho bà L được số tiền 15.000.000đ. Số tiền bà H, ông D còn nợ lại số tiền 55.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H, ông D có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn D trình bày:***

Vợ chồng ông D, bà H và bà L là hàng xóm, các bên không có mâu thuẫn. Ông D xác định Giấy mượn tiền ngày 09/12/2019 do bà L giao nộp ông D và bà H có ký, ghi rõ họ tên. Khi ký, ông D có được đọc nội dung thể hiện bà H có vay của bà L số tiền 120.000.000đ, tuy nhiên việc bà H vay tiền của bà L mục đích làm gì, nhận tiền thời điểm nào thì ông D không biết, ông D ký xác nhận vào tờ giấy chỉ với mục đích làm chứng. Bà H vay tiền của bà L không sử dụng vào mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên ông D xác định không có liên quan đến vụ việc trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông D không đồng ý trả số tiền 55.000.000đ cho bà L. Do điều kiện sức khỏe nên ông D yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

**** Đối với bị đơn Trương Thị Thanh H***: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H không lên Tòa án làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn bà Vũ Thị Hải A có ý kiến tranh luận:

Ngày 09/12/2019, vợ chồng bà H có vay của bà L số tiền 120.000.000đ, 2 bên có làm giấy vay, vợ chồng bà H, ông D có ký xác nhận, hạn trả là ngày 09/3/2020, bà H đã trả cho bà L số tiền 65.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không lên Tòa án làm việc, tuy nhiên căn cứ biên bản hòa giải ngày 18/3/2023 tại Nhà văn hóa ấp, bà H có biết sự việc bà L yêu cầu trả số tiền 55.000.000đ, bà H xác định đã trả cho bà L được số tiền 20.000.000đ nhưng

không có căn cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng bà H, ông D có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 55.000.000đ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa phát biểu:***

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: Không có.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc ông Phạm Văn D và bà Trương Thị Thanh H phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 55.000.000đ, nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét; Án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Trương Thị Thanh H có trách nhiệm số tiền 55.000.000đ đã vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Trương Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, ông Phạm Văn D có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 09/12/2019 do nguyên đơn Trần Thị L thể hiện: Ngày 09/12/2019, vợ chồng ông D, bà H có vay của bà L số tiền 120.000.000đ, thời hạn trả là ngày 09/3/2020. Quá trình giải quyết vụ án, ông D thừa nhận việc ông và bà H có tự nguyện ký tên xác nhận việc vay nợ trên, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ giấy vay mượn có chữ ký của các bên có cơ sở xác nhận việc các bên thực hiện giao dịch là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Từ thời điểm vay đến nay, ông D, bà H đã trả cho bà L số tiền 65.000.000đ, còn nợ lại số tiền 55.000.000đ. Do vợ chồng bà H, ông D vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện yêu cầu ông D, bà H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 55.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D thừa nhận việc ông D có ký xác nhận vào giấy mượn tiền ngày 09/12/2019 nhưng ký với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, tại thời điểm vay tiền, ông D và bà H là vợ chồng, ông D biết rõ việc bà H vay tiền của bà L mà không có ý kiến gì đồng thời còn ký xác nhận vào giấy mượn tiền nên việc ông D cho rằng không liên quan đến khoản vay trên của bà L là không có căn cứ. Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử buộc ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ cho bà L số tiền 55.000.000đ.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc ông Phạm Văn D và bà Trương Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2. Về án phí: Ông Phạm Văn D và bà Trương Thị Thanh H phải chịu 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu trữ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng